

VN-Index **1757.95 (-0.18%)**

1238 Tr. cổ phiếu 38136.1 Tỷ VND (-27.70%)

HNX-Index **276.12 (0.29%)**

96 Tr. cổ phiếu 2435.6 Tỷ VND (-31.14%)

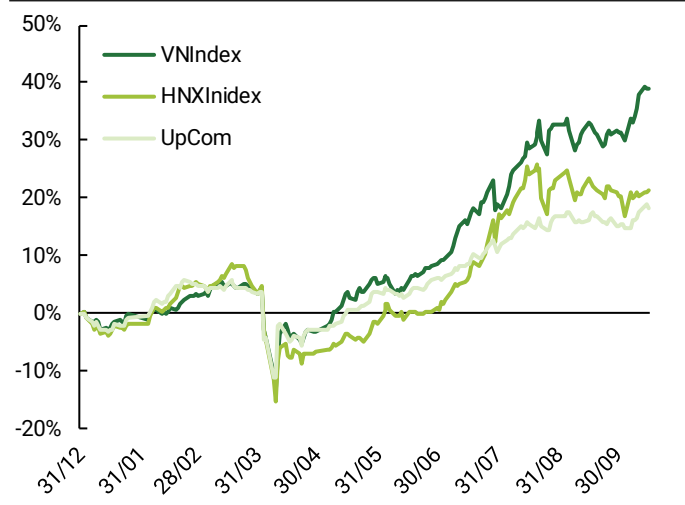
UPCOM-Index **112.32 (-0.73%)**

41 Tr. cổ phiếu 716.0 Tỷ VND (-12.32%)

VN30F1M **2022.00 (0.39%)**

281,802 HD OI: 29,265 HD

% Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- Diễn biến:** Chỉ số VN-Index đóng cửa phiên tại 1758.0, giảm 3.1 điểm (-0.18%). Thanh khoản hạ nhiệt với độ rộng nghiêng về bên bán. VN30 cũng giảm 4.0 điểm (-0.20%) trong khi HNX-Index tăng 0.8 điểm (+0.29%).

- Điểm nhấn trong phiên:** Nhóm Bất động sản (ngoại trừ nhóm Vin) giao dịch khởi sắc. Dòng tiền tiếp tục phân hóa mạnh và độ rộng thị trường nhìn chung vẫn suy yếu.

Nhóm ngành và cổ phiếu phản ứng tích cực trong phiên: Ngân hàng: VPB (+3.7%), TPB (+2.6%), HDB (+1.4%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: GEX (+7.0%), GEE (+7.0%) | Dịch vụ tài chính: ORS (+6.9%), SSI (+1.1%), VIX (+1.3%) | Du lịch và Giải trí: VJC (+7.0%). Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến yếu trong phiên: Bất động sản: DXS (-3.4%), VHM (-2.4%), SZC (-2.1%) | Thực phẩm và đồ uống: SBT (-2.6%), ASM (-2.6%), IDI (-2.3%) | Tài nguyên Cơ bản: TNI (-7.0%), VPG (-4.8%), DHC (-1.9%) | Xây dựng và Vật liệu: PC1 (-3.3%), VGC (-3.0%).

Tác động chỉ số: Chiều tăng | VPB, VJC, GEE, GEX - Chiều giảm | VHM, VIC, VCB, VPL

Khối ngoại Bán ròng hơn 800 tỷ đồng, tập trung nhiều ở FPT, KDH, HDB, VIC, VGC, trong khi mua ròng TPB, SHB, VCB.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- VN-Index** kết phiên với mẫu hình nến sao băng (Shooting Star), cho thấy lực cung còn chi phối. Độ rộng thị trường chưa có nhiều cải thiện khi số mã giao dịch dưới MA20 ngày vẫn chiếm phần trăm cao hơn. Trạng thái giằng co có lẽ còn tiếp diễn để kiểm định thêm khu vực 1740 – 1770 điểm. Ở chiều thận trọng, nếu chỉ số lùi về dưới ngưỡng 1740 điểm sẽ gia tăng rủi ro tìm về lại khu vực hỗ trợ cận mốc tâm lý 1700 điểm.
- Đối với HNX-Index**, chỉ số kết phiên với mẫu hình nến Spinning top cho thấy trạng thái còn lưỡng lự. Vận động khả năng tiếp tục giằng co tích lũy thêm trong khu vực 272 - 278.
- Chiến lược chung:** Các vị thế nghiêng về nắm giữ, tập trung vào danh mục cá nhân để cơ cấu phù hợp nếu có mã vi phạm. Đối với chiều mua mới, theo dõi thêm phản ứng của thị trường trong quá trình hạ nhiệt, đồng thời tiếp tục ưu tiên với nhóm giao dịch kênh trên (trên MA20 ngày). Tỷ trọng chung duy trì ở mức trung bình. Nhóm ngành nổi bật: Ngân hàng, Tiêu dùng, Bất động sản.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Bán HPG (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa		% Thay đổi		Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
			(%) 1D	(%) 1W		(%) 1M	01 phiên trước	Trung bình 01 tuần		Trung bình 01 tháng	01 phiên trước	Trung bình 01 tuần
Theo chỉ số												
VN-Index	1,758.0 ▼	-0.2%	3.5%	4.3%	38,136.1 ▼	-27.7%	14.7%	1.2%	1,237.9 ▼	-24.6%	15.9%	-0.5%
HNX-Index	276.1 ▬	0.3%	1.0%	-1.6%	2,435.6 ▼	-31.1%	-7.9%	-37.1%	96.2 ▼	-31.4%	-18.4%	-46.9%
UPCOM-Index	112.3 ▼	-0.7%	1.7%	1.7%	716.0 ▼	-12.3%	21.8%	-30.0%	41.1 ▼	-14.2%	17.9%	-27.6%
VN30	2,009.6 ▼	-0.2%	4.5%	7.1%	20,824.1 ▼	-27.9%	12.2%	3.8%	574.3 ▼	-18.7%	18.7%	4.6%
VNMID	2,532.2 ▬	0.8%	2.3%	-2.1%	14,691.1 ▼	-26.4%	18.7%	4.3%	462.8 ▼	-28.0%	5.1%	-4.8%
VNSML	1,559.8 ▼	-0.2%	-1.6%	-4.7%	1,887.6 ▼	-22.4%	27.0%	-27.1%	120.0 ▼	-24.3%	30.7%	-22.9%
Theo ngành (VNIndex)												
Ngân hàng	688.0 ▬	0.4%	1.69%	2.5%	12,253.3 ▼	-4.0%	9.2%	38.2%	453.6 ▼	-2.9%	9.5%	36.0%
Bất động sản	682.1 ▼	-1.0%	16.0%	27.9%	7,458.7 ▼	-35.2%	-13.1%	27.1%	234.0 ▼	-23.8%	-3.9%	16.5%
Dịch vụ tài chính	384.2 ▬	0.3%	0.2%	0.8%	4,845.5 ▼	-47.2%	-19.3%	3.8%	149.6 ▼	-44.1%	-18.0%	-0.5%
Công nghiệp	286.5 ▲	3.7%	9.1%	9.9%	3,314.7 ▼	-21.1%	41.8%	102.4%	61.4 ▼	-24.7%	25.8%	60.3%
Tài nguyên cơ bản	557.0 ▼	-0.3%	-2.1%	-5.5%	1,536.2 ▼	-50.4%	-37.7%	-32.4%	61.6 ▼	-49.5%	-35.5%	-31.9%
Xây dựng - Vật Liệu	197.1 ▼	-0.8%	1.6%	-4.6%	2,087.8 ▼	-21.2%	1.1%	7.6%	80.4 ▼	-20.9%	-0.2%	-2.8%
Thực phẩm	559.1 ▼	-0.3%	1.3%	-0.8%	1,499.3 ▼	-47.0%	-35.7%	-24.1%	38.3 ▼	-47.0%	-31.7%	-22.7%
Bán Lẻ	1,517.4 ▼	-0.6%	7.3%	5.9%	729.5 ▼	-53.5%	-42.7%	-21.8%	10.7 ▼	-51.6%	-39.0%	-17.5%
Công nghệ	477.3 ▼	-2.8%	-3.3%	-8.8%	1,742.4 ▲	38.3%	91.0%	37.8%	21.0 ▲	23.2%	84.6%	36.6%
Hóa chất	165.7 ▼	-1.5%	1.2%	-5.1%	659.6 ▼	-8.9%	22.3%	35.0%	23.2 ▲	5.0%	43.6%	55.9%
Tiện ích	643.5 ▼	-1.0%	-0.8%	-3.0%	271.0 ▼	-9.8%	6.3%	-16.4%	12.1 ▼	-20.0%	5.9%	-22.3%
Dầu khí	76.3 ▬	0.6%	3.4%	-0.7%	342.5 ▼	-52.5%	-42.6%	-18.5%	13.1 ▼	-51.2%	-41.2%	-17.9%
Dược phẩm	427.5 ▬	0.0%	-1.1%	-0.2%	87.9 ▲	7.5%	3.3%	28.2%	3.0 ▼	-24.5%	-8.6%	-16.6%
Bảo hiểm	85.4 ▼	-1.7%	-2.7%	-8.0%	50.6 ▼	-25.3%	28.1%	34.6%	1.5 ▼	-32.1%	17.6%	21.7%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,758.0 ▼	-0.2%	38.8%	17.0x	2.2x
SET-Index	Thái Lan	1,287 ▲	1.60%	-8.1%	16.1x	1.2x
JCI-Index	Indonesia	8,051 ▼	-0.19%	13.7%	19.8x	2.2x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,067 ▬	0.3%	-4.1%	16.0x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	6,094 ▬	0.3%	-6.7%	10.4x	1.3x
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,912 ▲	1.2%	16.7%	19.3x	1.6x
Hang Seng	Hồng Kông	25,911 ▲	1.8%	29.2%	12.5x	1.4x
Nikkei 225	Nhật Bản	47,673 ▲	1.8%	19.5%	20.9x	2.4x
S&P 500	Mỹ	6,644 ▼	-0.2%	13.0%	27.6x	5.4x
Dow Jones	Mỹ	46,270 ▬	0.44%	8.8%	22.9x	4.9x
FTSE 100	Anh	9,399 ▼	-0.6%	15.0%	14.3x	2.2x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	5,632 ▲	1.4%	15.0%	17.3x	2.4x
DX/USD		99 ▼	-0.38%	-8.8%		
USD/VND		26,343 ▼	-0.05%	3.4%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

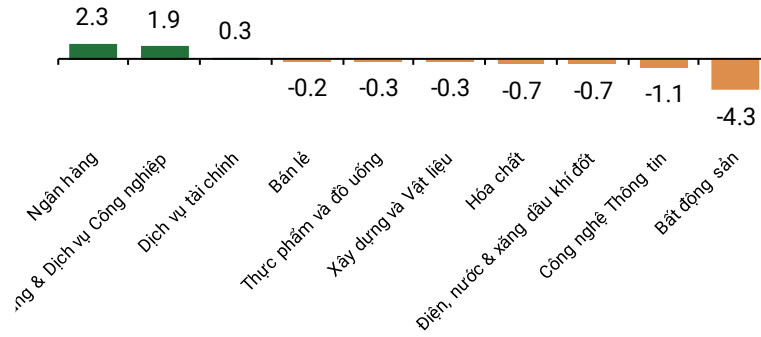
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▼	-0.1%	-7.5%	-16.5%	-16.0%
Dầu WTI	▼	-1.2%	-7.2%	-18.1%	-16.8%
Khí gas	▼	-4.2%	-1.8%	-17.8%	19.6%
Than cốc (*)	▬	0.0%	3.6%	-10.6%	-22.6%
Thép HRC (*)	▼	-0.8%	-2.9%	-4.3%	-8.8%
PVC (*)	▬	0.0%	1.0%	-5.3%	-14.1%
Phân Urea (*)	▼	-2.1%	-22.2%	6.8%	6.5%
Cao su thiên nhiên	▲	1.1%	-1.1%	-12.8%	-14.8%
Bông Cotton	▼	-0.3%	-3.1%	-7.4%	-10.3%
Đường	▼	-0.1%	-2.5%	-19.0%	-31.6%
World Container Index	▼	-1.1%	-19.2%	-56.6%	-50.7%
Baltic Dirty tanker Index	▲	6.9%	2.1%	24.3%	10.9%
Vàng	▲	2.2%	14.1%	60.0%	57.7%
Bạc	▬	0.4%	23.1%	81.8%	66.8%

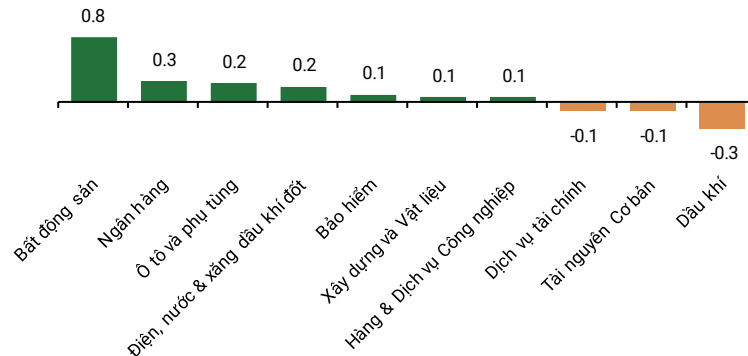
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

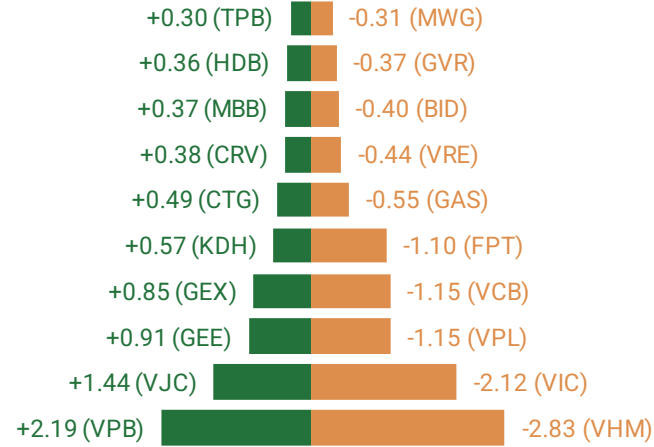
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



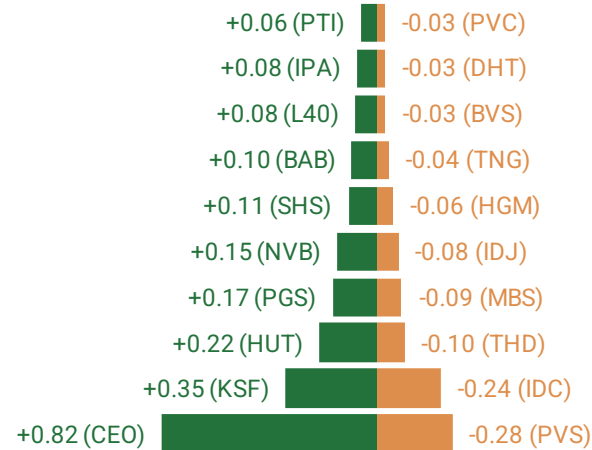
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

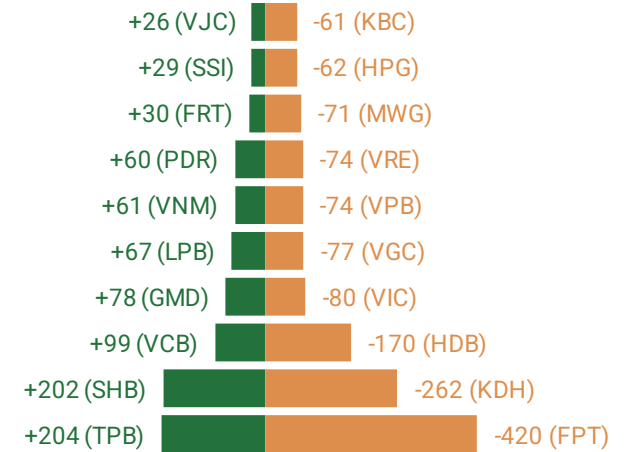


TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

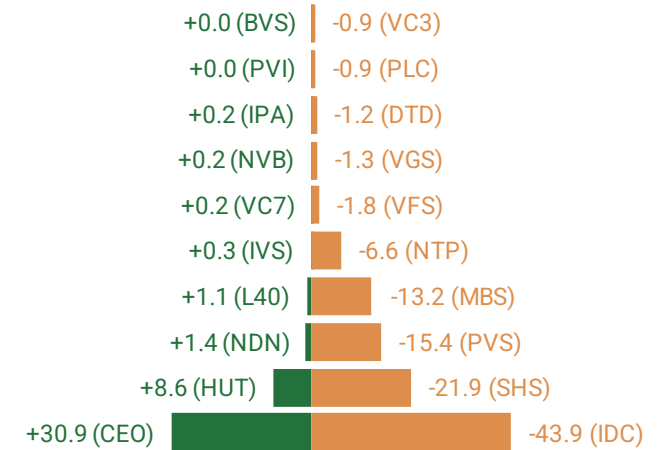


BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

TOP CỔ PHIẾU NGTTN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



TOP CỔ PHIẾU NGTTN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



	VPB	SHB	GEX	FPT	VIX
%DoD	3.7%	1.1%	7.0%	-3.0%	1.3%
Giá trị	3,147	2,467	1,833	1,710	1,705

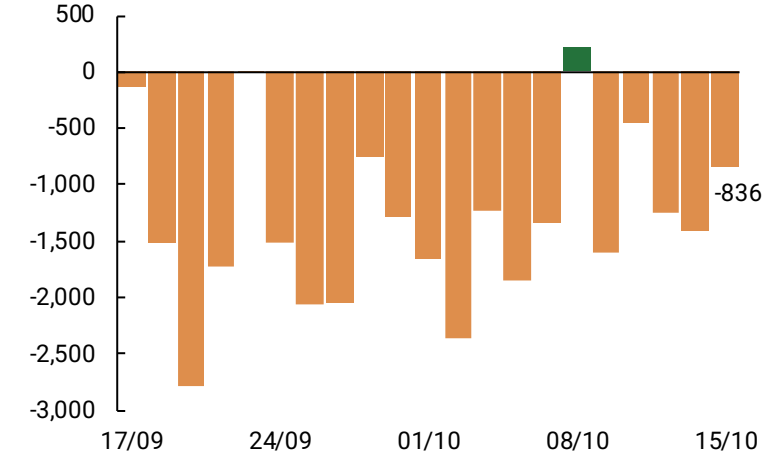
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	VPB	HDB	HPG	GEX	VHM
%DoD	3.7%	1.4%	-0.4%	7.0%	-2.4%
Giá trị	594	239	160	142	127

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



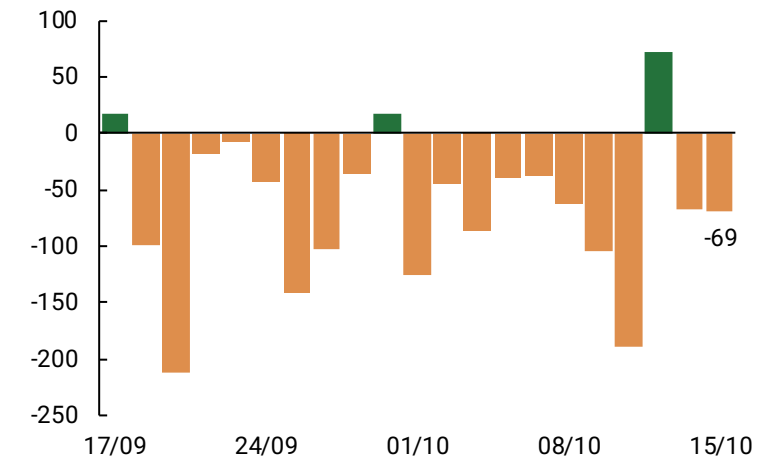
	CEO	SHS	MBS	PVS	IDC
%DoD	4.3%	0.4%	-1.4%	-2.9%	-2.1%
Giá trị	683	618	221	186	121

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	THD	NVB	IDC	NAG	SHS
%DoD	-0.7%	1.4%	-2.1%	1.6%	0.4%
Giá trị	134	23	3	1	1

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến Shooting star, vol giảm nhưng trên bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1680 – 1700.
- ✓ Kháng cự: 1800.
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI trở lại quán tính tăng.
- ✓ Xu hướng: Tăng.

Kịch bản: Chỉ số tiếp tục hạ nhiệt cho thấy lực cung vùng cao còn chi phối. Độ rộng thị trường chưa có nhiều cải thiện là dấu hiệu cần thận trọng. **Vận động khả năng tiếp tục củng cố thêm quanh khu vực 1740 – 1770 điểm.** Nếu giá lùi về dưới ngưỡng 1740 có thể phát rủi ro điều chỉnh sâu hơn về mốc tâm lý 1700 điểm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến Shooting star, vol giảm nhưng trên bình quân 20 phiên.
 - ✓ Hỗ trợ: 1880 - 1900.
 - ✓ Kháng cự: 2040 - 2050.
 - ✓ Chỉ báo MACD, RSI trở lại quán tính tăng.
 - ✓ Xu hướng: Tăng.
- ➔ Áp lực bán trên vùng cao còn chi phối khi nỗ lực phục hồi trong phiên bất thành. Dòng tiền tiếp tục luân chuyển ở nhóm trụ lớn thay nhau nâng đỡ chỉ số. **Vận động khả năng tiếp tục củng cố thêm nền giá quanh ngưỡng 2000 sau tín hiệu bứt phá.**

STOCK		STRATEGY	Technical			Financial Ratio		
Ticker	HPG	SELL	Current price		28.3	P/E (x)	16.1	
Exchange	HOSE		Action price		29.15	-3.1%	P/B (x)	1.8
Sector	Steel		Selling price		16/10	28.3	EPS	1750.0
							ROE	11.6%
							Stock Rating	BB
						Scale Market Cap	Large	



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá lùi về dưới MA20 ngày đồng thời phản ứng hồi phục yếu ớt.
 - Thanh khoản giảm cho thấy chiều mua yếu thế hơn.
 - Chỉ báo MACD cắt xuống đường tín hiệu, cùng với RSI giảm về dưới mức trung bình 50, hàm ý động lượng tăng suy yếu.
 - Rủi ro điều chỉnh sâu hơn nếu giá phá vỡ ngưỡng 28.
- ➔ Xu hướng nghiêng về điều chỉnh.
- ➔ Khuyến nghị Bán quanh giá hiện tại hoặc tận dụng nhịp hồi trong phiên.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	HPG	Bán	16/10/2025	28.3	29.2	-3.1%	33.0	13.2%	28	-3.9%	Đà tăng suy yếu

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	CTD	Nắm giữ	19/09/2025	03/10/2025	83.50	81.8	2.1%	92.0	12.5%	78.0	-4.6%	Nâng cắt lỗ 28
2	ACB	Mua	07/10/2025	-	26.30	26.8	-1.9%	30.0	11.9%	25.0	-6.7%	Nâng cắt lỗ 78
3	HAG	Mua	09/10/2025	-	16.30	16.8	-2.7%	18.5	10.4%	15.7	-6.3%	
4	VNM	Mua	09/10/2025	-	63.60	63.4	0.3%	70.0	10.4%	59.5	-6.2%	
5	DDV	Mua	10/10/2025	-	32.41	32.0	1.3%	36.0	12.5%	30.0	-6.3%	
6	MSN	Mua	13/10/2025	-	82.50	84.1	-1.9%	92.0	9.4%	80.0	-4.9%	
7	ABB	Mua	13/10/2025	-	12.70	12.70	0.0%	14.0	10.2%	12.0	-5.5%	
8	MBS	Mua	14/10/2025	-	34.00	34.7	-2.0%	40.0	15.3%	32.0	-7.8%	



Tín hiệu kỹ thuật

- Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 2022, tăng 7.8 điểm (+0.4%). Thanh khoản giảm nhẹ với độ lệch basis nở rộng lên 12 điểm và cao hơn VN30 cơ sở. Khối ngoại Bán ròng 3283 HD, tương ứng hơn 660 tỷ đồng. Giá biến động mạnh trong phiên theo cả hai chiều.
- Ở khung đồ thị 15p**, áp lực điều chỉnh có phần chiếm ưu thế hơn với việc tạo các đỉnh thấp dần. Dù vậy, trạng thái vẫn có khả năng rung lắc kiểm định thêm khu vực 2015 – 2030, nên việc vào lệnh khi giá phá vỡ các biên sẽ tối ưu hơn.
- Vị thế Short cần nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 2012. Vị thế Long có thể tham gia khi giá xác nhận bứt phá và giao dịch trên ngưỡng 2030. Lưu ý ngày đáo hạn có thể xảy ra biến động mạnh trong phiên.

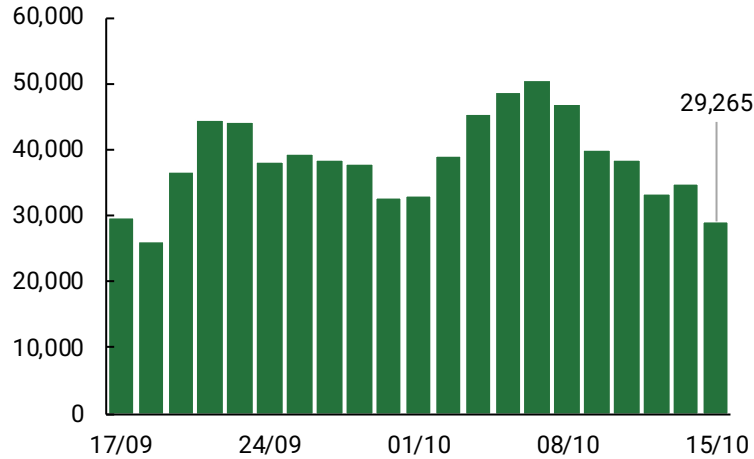
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/ Rủi ro
Short	< 2.012	2.000	2.019	12 : 7
Long	> 2.030	2.042	2.024	12 : 6

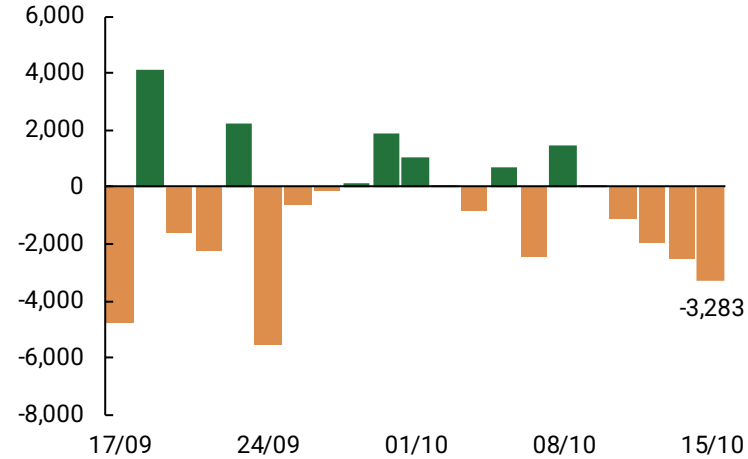
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
41I1G3000	1,984.0	2.2	50	338	2,018.2	-34.2	19/03/2026	155
VN30F2512	2,014.6	6.6	561	1,708	2,013.2	1.4	18/12/2025	64
41I1FB000	2,015.3	5.4	14,284	14,313	2,011.6	3.7	20/11/2025	36
41I1FA000	2,022.0	7.8	281,802	29,265	2,009.7	12.3	16/10/2025	1
41I2FA000	1,949.8	19.8	214	0	1,935.8	14.0	17/10/2025	2

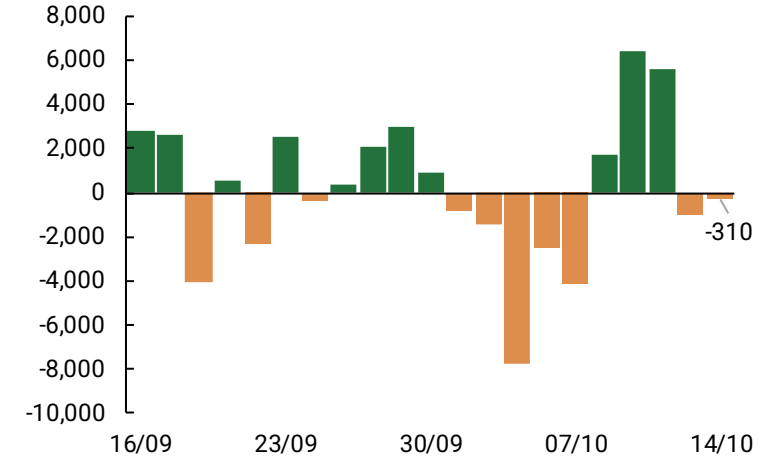
Khối lượng mở (Open interest)



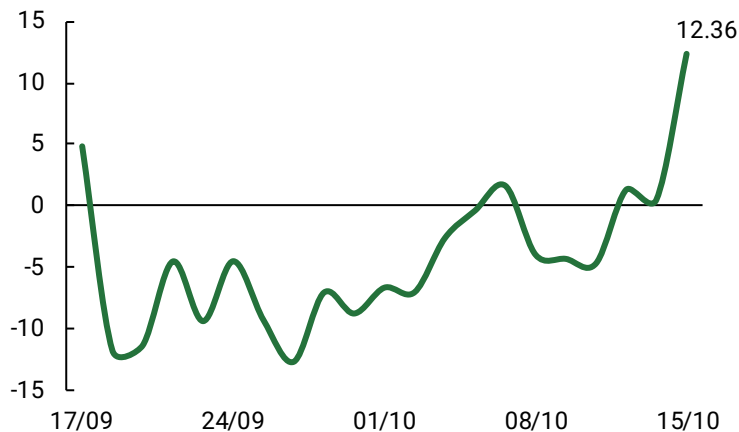
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)



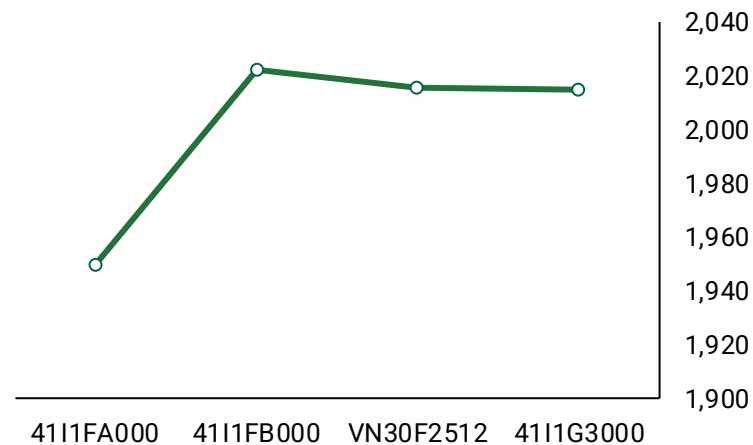
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)



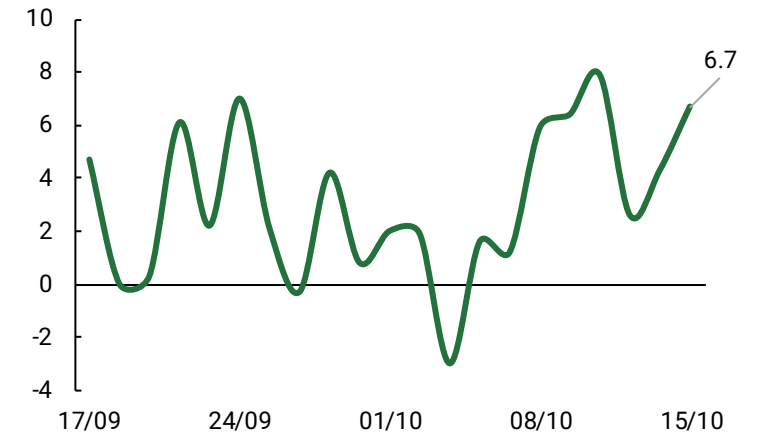
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M – VN30F2M



Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
AST	77,000	67,900	-11.8%	Bán
CTD	83,500	92,400	10.7%	Tăng tỷ trọng
CTI	24,650	27,200	10.3%	Tăng tỷ trọng
DBD	53,900	68,000	26.2%	Mua
DDV	32,405	35,500	9.6%	Nắm giữ
DGC	95,000	102,300	7.7%	Nắm giữ
DGW	40,900	48,000	17.4%	Tăng tỷ trọng
DPR	36,700	41,500	13.1%	Tăng tỷ trọng
DRI	10,926	18,000	64.7%	Mua
EVF	13,900	14,400	3.6%	Nắm giữ
FRT	142,000	135,800	-4.4%	Giảm tỷ trọng
GMD	69,000	72,700	5.4%	Nắm giữ
HAH	55,900	67,600	20.9%	Mua
HDG	35,700	33,800	-5.3%	Giảm tỷ trọng
HHV	15,350	12,600	-17.9%	Bán
HPG	28,250	30,900	9.4%	Nắm giữ

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
IMP	51,000	55,000	7.8%	Nắm giữ
MBB	27,250	22,700	-16.7%	Bán
MSH	34,350	47,100	37.1%	Mua
MWG	83,300	92,500	11.0%	Tăng tỷ trọng
NLG	39,300	43,600	10.9%	Tăng tỷ trọng
PHR	53,300	72,800	36.6%	Mua
PNJ	86,100	95,400	10.8%	Tăng tỷ trọng
PVT	17,550	18,900	7.7%	Nắm giữ
SAB	45,250	59,900	32.4%	Mua
TCB	40,800	35,650	-12.6%	Bán
TCM	29,000	38,400	32.4%	Mua
TRC	69,900	94,500	37.8%	Mua
VCG	27,250	26,200	6.7%	Nắm giữ
VHC	54,200	60,000	12.7%	Tăng tỷ trọng
VNM	63,600	69,500	18.4%	Tăng tỷ trọng
VSC	28,250	17,900	-39.4%	Bán

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

THÔNG TIN VĨ MÔ

Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2026 từ 10% trở lên: Tại phiên họp thứ 50 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 15/10, Chính phủ trình kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội năm 2026, đặt mục tiêu tăng trưởng GDP từ 10% trở lên, GDP bình quân đầu người đạt 5.400–5.500 USD, và kiểm soát lạm phát khoảng 4,5%. Kế hoạch cũng nhấn mạnh ưu tiên ổn định kinh tế vĩ mô, cải thiện năng suất lao động và thúc đẩy đầu tư công, xuất khẩu, nhằm duy trì đà phục hồi tăng trưởng bền vững.

Ông Trump dọa cấm vận dầu ăn Trung Quốc để đáp trả vấn đề đậu nành: Vào ngày 14/10, Tổng thống Donald Trump cho biết chính quyền của ông đang xem xét chấm dứt các giao dịch liên quan đến dầu ăn với Trung Quốc để trả đũa việc Bắc Kinh không mua đậu nành Mỹ. Trong quá khứ, Trung Quốc là khách hàng lớn nhất của đậu nành Mỹ. Chỉ tính riêng trong năm 2024, Trung Quốc mua khoảng 27 triệu tấn đậu nành Mỹ trị giá gần 12,8 tỷ USD, theo CNBC

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

VPB - VPBank ghi nhận lợi nhuận trước thuế tăng vượt trội trong quý III/2025: Sau 9 tháng năm 2025, tổng tài sản hợp nhất VPBank đạt 1,18 triệu tỷ đồng, tăng 27,5%. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 20,396 tỷ đồng, tăng 47,1%; riêng quý III Ngân hàng ghi nhận 9,166 tỷ đồng, tăng 76,7%. Tín dụng SME và cá nhân tăng trưởng cao, nợ xấu giảm dưới 3%, tiềm năng phát triển bền vững từ hệ sinh thái tích hợp.

CSM - Casumunia đạt gần 74 tỷ đồng lợi nhuận 9 tháng, hoàn thành 79% kế hoạch năm: Công ty ghi nhận doanh thu thuần 9 tháng đạt 3,437.5 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế gần 74 tỷ đồng, lần lượt đạt 74% và 79% kế hoạch năm. Quý III công ty đạt 1,132 tỷ đồng doanh thu thuần và 30 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế. Kế hoạch quý IV đặt mục tiêu doanh thu 1,260 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 30 tỷ đồng, ước tăng tổng lợi nhuận năm trên 103 tỷ đồng, vượt 10% kế hoạch và tăng 16% so với 2024.

HTI vượt kế hoạch năm sau 9 tháng: CTCP Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO ghi nhận lãi trước thuế quý 3 tăng 76% so với cùng kỳ, doanh thu thuần đạt gần 122 tỷ đồng, chủ yếu từ cước đường bộ. Lũy kế 9 tháng, công ty đạt doanh thu hơn 365 tỷ đồng (tăng 6%), lợi nhuận trước thuế và sau thuế đều gấp khoảng 2,6 lần cùng kỳ năm trước. HTI đã thực hiện gần 82% mục tiêu doanh thu và vượt 23% mục tiêu lợi nhuận trước thuế năm 2025.

CTD - Coteccons lên kế hoạch chào bán 1.400 tỷ đồng trái phiếu, lãi suất 9%/năm: Công ty dự kiến phát hành 14 triệu trái phiếu trị giá 1,400 tỷ đồng, lãi suất 9%/năm, kỳ hạn 3 năm để bổ sung vốn lưu động, thanh toán nhà cung cấp, lương thưởng. Đồng thời, công ty lên kế hoạch đầu tư ra nước ngoài và phát hành gần 5,1 triệu cổ phiếu thưởng trong 2026–2027.

NLG - Nam Long sắp phát hành hơn 100 triệu cổ phiếu ưu đãi cho cổ đông: Doanh nghiệp dự kiến phát hành hơn 100 triệu cổ phiếu ưu đãi theo tỷ lệ 100:26 với giá 25,000 đồng/CP, thấp hơn 63% so với thị giá 39,650 đồng/CP. Cổ phiếu phát hành mới bị hạn chế chuyển nhượng 1 năm.

- 01/10 Việt Nam & Mỹ - Chỉ số PMI
- 03/10 Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
- 06/10 Việt Nam - Công bố số liệu kinh tế VN Quý III và 9 tháng
- 07/10 Việt Nam - FTSE Russell công bố phân loại thị trường
- 15/10 Mỹ - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)
- 16/10 Mỹ - Chỉ số giá sản xuất (PPI)
Việt Nam - Đáo hạn phái sinh
- 20/10 Việt Nam - Công bố danh mục cổ phiếu thành phần thuộc chỉ số Diamond
Trung Quốc - Lãi suất cho vay cơ bản
- 30/10 Mỹ - FED công bố lãi suất điều hành
EU - ECB công bố lãi suất
Nhật Bản – BoJ công bố lãi suất
- 31/10 Việt Nam - Công bố sơ bộ GDP
Việt Nam - Các quỹ ETF Diamond cơ cấu chỉ số

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Định nghĩa xếp loại

MUA: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

TĂNG TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

NẮM GIỮ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

BÁN: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

GIẢM TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

KHÔNG XẾP HẠNG: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415